

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	68.551	64.107	259	4.185	
A	CẤP TỈNH	11.970	11.716	236	18	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	46	46			
1.1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	28	28			
1.2	Trung tâm Thông tin - Công báo	18	18			
2	Sở Nội vụ	312	312			
2.1	Trung tâm Dịch vụ việc làm Ninh Bình	65	65			
2.2	Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Bình	185	185			
2.3	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	62	62			
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	402	402			
3.1	Chi cục Thủy lợi	170	170			
	Các Hạt quản lý đê	170	170			
3.2	Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	60	60			
	Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình	60	60			
3.3	Chi cục Thủy sản - Kiểm ngư	20	20			
	Trung tâm Thông tin Kiểm ngư và Phát triển thủy sản	20	20			
3.4	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới	28	28			
3.5	Trung tâm Khuyến nông và Xúc tiến thương mại	58	58			
3.6	Vườn Quốc gia Xuân Thủy	33	33			
3.7	Ban quản lý Cảng cá	33	33			
4	Sở Công Thương	63	57	6		
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	63	57	6		
5	Sở Xây dựng	63	63			
	Trung tâm điều hành giao thông	63	63			
6	Sở Khoa học và Công nghệ	107	107			
6.1	Trung tâm Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số	85	85			
6.2	Trung tâm Đo lường - Thử nghiệm	22	22			
7	Sở Văn hoá và Thể thao	606	606			
7.1	Trung tâm Thể thao I tỉnh Ninh Bình	95	95			
7.2	Trung tâm Thể thao II tỉnh Ninh Bình	65	65			
7.3	Bảo tàng tỉnh Ninh Bình	72	72			
7.4	Trung tâm Văn hoá tỉnh Ninh Bình	96	96			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
7.5	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh Ninh Bình	180	180			
7.6	Thư viện tỉnh Ninh Bình	65	65			
7.7	Trung tâm Bảo tồn di tích Lịch sử - Văn hoá Cố đô Hoa Lư	33	33			
8	Sở Du lịch	95	95			
8.1	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	50	50			
8.2	Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An	45	45			
9	Sở Tư pháp	57	57			
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình	57	57			
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	6.837	6.835		2	
10.1	Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định	87	87			
10.2	Các trường Trung học phổ thông	6.075	6.073		2	
10.3	Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Tin học và Ngoại ngữ Ninh Bình	68	68			
10.4	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp Phú Lý	20	20			
10.5	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Bình Lục	18	18			
10.6	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Duy Tiên	28	28			
10.7	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lý Nhân	29	29			
10.8	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Bảng	30	30			
10.9	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Liêm	22	22			
10.10	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nho Quan	15	15			
10.11	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Gia Viễn	17	17			
10.12	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kim Sơn	22	22			
10.13	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Khánh	21	21			
10.14	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Yên Mô	20	20			
10.15	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Tam Điệp	17	17			
10.16	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nam Định	75	75			
10.17	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Mỹ Lộc	26	26			
10.18	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Ý Yên	22	22			
10.19	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nam Trực	40	40			
10.20	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vụ Bản	27	27			
10.21	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Trực Ninh	25	25			
10.22	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Giao Thủy	24	24			
10.23	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hải Hậu	42	42			
10.24	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Xuân Trường	25	25			
10.25	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nghĩa Hưng	42	42			
11	Sở Y tế	2.369	2.123	230	16	
11.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình	390	358	32		
11.2	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm, mỹ phẩm tỉnh Ninh Bình	71	71			
11.3	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Ninh Bình	40	40			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
11.4	Trung tâm Pháp Y tỉnh Ninh Bình	39	33		6	
11.5	Trung tâm Cấp cứu 115 tỉnh Ninh Bình	17	11	6		
11.6	Trung tâm Bảo trợ xã hội Ninh Bình	56	56			
11.7	Trung tâm Bảo trợ xã hội Nam Định	85	85			
11.8	Trung tâm Bảo trợ xã hội Hà Nam	143	133		10	
11.9	Trung tâm Phục hồi chức năng Tâm thần Ninh Bình	67	67			
11.10	Bệnh viện Tâm thần Ninh Bình	91	90	1		
11.11	Bệnh viện Tâm thần Nam Định	107	107			
11.12	Bệnh viện Tâm thần Hà Nam	80	80			
11.13	Bệnh viện Phục hồi chức năng Nam Định	52	52			
11.14	Bệnh viện Phổi Hà Nam	77	77			
11.15	Bệnh viện đa khoa Nho Quan	157	32	125		
11.16	Bệnh viện Đa khoa Gia Viễn	87	76	11		
11.17	Bệnh viện Đa khoa Hoa Lư	110	106	4		
11.18	Bệnh viện Đa khoa Tam Điệp	89	85	4		
11.19	Bệnh viện Đa khoa Yên Mô	85	51	34		
11.20	Bệnh viện Đa khoa Yên Khánh	87	74	13		
11.21	Bệnh viện Đa khoa Thanh Liêm	78	78			
11.22	Bệnh viện Đa khoa Bình Lục	89	89			
11.23	Bệnh viện Đa khoa Lý Nhân	112	112			
11.24	Bệnh viện Đa khoa Kim Bảng	77	77			
11.25	Bệnh viện Đa khoa Duy Tiên	83	83			
12	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Bình	65	65			
13	Trường Đại học Hoa Lư	233	233			
13.1	Trường Đại học Hoa Lư	207	207			
13.2	Trường Phổ thông thực hành Sư phạm Tràng An	26	26			
14	Trường Cao đẳng Văn hoá Nghệ thuật và Du lịch Nam Định	42	42			
15	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Ninh Bình	195	195			
16	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và thương mại tỉnh Ninh Bình	90	90			
17	Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ tỉnh Ninh Bình	388	388			
B	CẤP XÃ	55.897	51.995		3.902	
1	Xã Bình Lục	390	364		26	
a	Sự nghiệp Giáo dục	358	332		26	
	Cấp học mầm non	119	111		8	
	Cấp học Tiểu học	130	125		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	109	96		13	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
c	Sự nghiệp khác	7	7			
2	Xã Bình Mỹ	439	427		12	
a	Sự nghiệp Giáo dục	398	386		12	
	Cấp học mầm non	141	141			
	Cấp học Tiểu học	127	121		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	130	124		6	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
3	Xã Bình An	476	440		36	
a	Sự nghiệp Giáo dục	439	403		36	
	Cấp học Mầm non	161	154		7	
	Cấp học Tiểu học	146	133		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	132	116		16	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
4	Xã Bình Giang	300	280		20	
a	Sự nghiệp Giáo dục	273	253		20	
	Cấp học mầm non	102	100		2	
	Cấp học tiểu học	92	84		8	
	Cấp học trung học cơ sở	79	69		10	
b	Sự nghiệp y tế	21	21			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
5	Xã Bình Sơn	329	315		14	
a	Sự nghiệp giáo dục	300	286		14	
	Cấp học mầm non	96	94		2	
	Cấp học tiểu học	111	106		5	
	Cấp học trung học cơ sở	93	86		7	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
6	Xã Liêm Hà	368	344		24	
a	Sự nghiệp Giáo dục	340	316		24	
	Cấp học Mầm non	134	130		4	
	Cấp học Tiểu học	108	97		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	98	89		9	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
7	Xã Tân Thanh	431	397		34	
a	Sự nghiệp giáo dục	390	356		34	
	Cấp mầm non	134	127		7	
	Cấp học Tiểu học	125	113		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	131	116		15	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
8	Xã Thanh Bình	290	272		18	
a	Sự nghiệp giáo dục	265	247		18	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học mầm non	107	104		3	
	Cấp học Tiểu học	82	75		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	76	68		8	
b	Sự nghiệp y tế	19	19			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
9	Xã Thanh Lâm	395	356		39	
a	Sự nghiệp Giáo dục	362	323		39	
	Cấp học Mầm non	143	136		7	
	Cấp học Tiểu học	128	111		17	
	Cấp học Trung học cơ sở	91	76		15	
b	Sự nghiệp y tế	26	26			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
10	Xã Thanh Liêm	329	297		32	
a	Sự nghiệp Giáo dục	304	272		32	
	Cấp học Mầm non	118	112		6	
	Cấp học Tiểu học	103	90		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	83	70		13	
b	Sự nghiệp y tế	19	19			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
11	Xã Lý Nhân	390	373		17	
a	Sự nghiệp giáo dục	361	344		17	
	Cấp học Mầm non	133	133			
	Cấp học Tiểu học	122	114		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	106	97		9	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
12	Xã Nam Xang	353	336		17	
a	Sự nghiệp giáo dục	316	299		17	
	Cấp học Mầm non	103	103			
	Cấp học Tiểu học	118	108		10	
	Cấp học Trung học cơ sở	95	88		7	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
13	Xã Bắc Lý	364	346		18	
a	Sự nghiệp giáo dục	336	318		18	
	Cấp học Mầm non	118	118			
	Cấp học Tiểu học	113	102		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	105	98		7	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
14	Xã Vĩnh Trụ	536	508		28	
a	Sự nghiệp giáo dục	502	474		28	
	Cấp học Mầm non	179	174		5	
	Cấp học Tiểu học	165	152		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	158	148		10	
b	Sự nghiệp y tế	21	21			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
c	Sự nghiệp khác	13	13			
15	Xã Trần Thương	291	277		14	
a	Sự nghiệp giáo dục	267	253		14	
	Cấp mầm non	102	102			
	Cấp Tiểu học	88	79		9	
	Cấp Trung học cơ sở	77	72		5	
b	Sự nghiệp y tế	18	18			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
16	Xã Nhân Hà	320	298		22	
a	Sự nghiệp Giáo dục	295	273		22	
	Cấp học Mầm non	110	110			
	Cấp học Tiểu học	92	81		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	93	82		11	
b	Sự nghiệp y tế	19	19			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
17	Xã Nam Lý	457	437		20	
a	Sự nghiệp Giáo dục	427	407		20	
	Cấp học Mầm non	146	146			
	Cấp học Tiểu học	148	134		14	
	Cấp học Trung học cơ sở	133	127		6	
b	Sự nghiệp y tế	23	23			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
18	Xã Nam Trực	461	450		11	
a	Sự nghiệp Giáo dục	418	407		11	
	Cấp học Mầm non	132	132			
	Cấp học Tiểu học	155	151		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	131	124		7	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
19	Xã Nam Minh	413	391		22	
a	Sự nghiệp Giáo dục	372	350		22	
	Cấp học Mầm Non	131	121		10	
	Cấp học Tiểu học	135	131		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	106	98		8	
b	Sự nghiệp y tế	34	34			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
20	Xã Nam Đông	276	267		9	
a	Sự nghiệp Giáo dục	250	241		9	
	Cấp học Mầm non	94	92		2	
	Cấp học Tiểu học	84	83		1	
	Cấp học Trung học cơ sở	72	66		6	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
21	Xã Nam Ninh	462	442		20	
a	Sự nghiệp giáo dục	421	401		20	
	Cấp học Mầm non	132	125		7	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học Tiểu học	130	124		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	159	152		7	
b	Sự nghiệp y tế	34	34			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
22	Xã Nam Hồng	390	375		15	
a	Sự nghiệp giáo dục	356	341		15	
	Cấp học Mầm non	121	117		4	
	Cấp học Tiểu học	129	125		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	106	99		7	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
23	Xã Minh Tân	368	345		23	
a	Sự nghiệp giáo dục	329	306		23	
	Cấp học Mầm non	115	107		8	
	Cấp học Tiểu học	117	111		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	97	88		9	
b	Sự nghiệp y tế	33	33			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
24	Xã Hiễn Khánh	389	365		24	
a	Sự nghiệp giáo dục	352	328		24	
	Cấp học Mầm non	124	115		9	
	Cấp học Tiểu học	122	115		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	106	98		8	
b	Sự nghiệp y tế	31	31			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
25	Xã Vụ Bản	381	359		22	
a	Sự nghiệp Giáo dục	339	317		22	
	Cấp học Mầm non	100	95		5	
	Cấp học Tiểu học	115	108		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	124	114		10	
b	Sự nghiệp y tế	29	29			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
26	Xã Liên Minh	364	343		21	
a	Sự nghiệp giáo dục	328	307		21	
	Cấp học Mầm non	117	110		7	
	Cấp học Tiểu học	124	118		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	87	79		8	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
27	Xã Ý Yên	753	717		36	
a	Sự nghiệp Giáo dục	686	650		36	
	Cấp học Mầm non	231	221		10	
	Cấp học Tiểu học	237	225		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	218	204		14	
b	Sự nghiệp y tế	49	49			
c	Sự nghiệp khác	18	18			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
28	Xã Yên Đồng	446	402		44	
a	Sự nghiệp Giáo dục	411	367		44	
	Cấp học Mầm non	138	125		13	
	Cấp học Tiểu học	153	137		16	
	Cấp học Trung học cơ sở	120	105		15	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
29	Xã Yên Cường	537	509		28	
a	Sự nghiệp Giáo dục	485	457		28	
	Cấp học Mầm non	174	167		7	
	Cấp học Tiểu học	174	168		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	137	122		15	
b	Sự nghiệp y tế	44	44			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
30	Xã Vạn Thắng	440	410		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	404	374		30	
	Cấp học Mầm non	153	142		11	
	Cấp học Tiểu học	138	130		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	113	102		11	
b	Sự nghiệp y tế	29	29			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
31	Xã Vũ Dương	504	470		34	
a	Sự nghiệp Giáo dục	465	431		34	
	Cấp học Mầm non	165	154		11	
	Cấp học Tiểu học	165	155		10	
	Cấp học Trung học cơ sở	135	122		13	
b	Sự nghiệp y tế	32	32			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
32	Xã Tân Minh	495	464		31	
a	Sự nghiệp giáo dục	449	418		31	
	Giáo dục mầm non	173	164		9	
	Giáo dục Tiểu học	140	131		9	
	Giáo dục Trung học cơ sở	136	123		13	
b	Sự nghiệp y tế	38	38			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
33	Xã Phong Doanh	484	448		36	
a	Sự nghiệp Giáo dục	441	405		36	
	Cấp học Mầm non	166	155		11	
	Cấp học Tiểu học	145	136		9	
	Cấp học Trung học cơ sở	130	114		16	
b	Sự nghiệp y tế	36	36			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
34	Xã Cổ Lễ	482	462		20	
a	Sự nghiệp Giáo dục	434	414		20	
	Cấp học Mầm non	129	123		6	
	Cấp học Tiểu học	149	145		4	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học Trung học cơ sở	156	146		10	
b	Sự nghiệp y tế	35	35			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
35	Xã Ninh Giang	414	390		24	
a	Sự nghiệp Giáo dục	378	354		24	
	Cấp học Mầm non	130	120		10	
	Cấp học Tiểu học	131	126		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	117	108		9	
b	Sự nghiệp y tế	29	29			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
36	Xã Cát Thành	457	436		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	421	400		21	
	Cấp học Mầm non	151	143		8	
	Cấp học Tiểu học	143	138		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	127	119		8	
b	Sự nghiệp y tế	29	29			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
37	Xã Trực Ninh	248	235		13	
a	Sự nghiệp Giáo dục	222	209		13	
	Cấp học Mầm non	79	75		4	
	Cấp học Tiểu học	69	65		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	74	69		5	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
38	Xã Quang Hưng	271	252		19	
a	Sự nghiệp Giáo dục	245	226		19	
	Cấp học Mầm non	88	80		8	
	Cấp học Tiểu học	79	74		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	78	72		6	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
39	Xã Minh Thái	396	368		28	
a	Sự nghiệp Giáo dục	363	335		28	
	Cấp học Mầm non	132	122		10	
	Cấp học Tiểu học	122	117		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	109	96		13	
b	Sự nghiệp y tế	26	26			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
40	Xã Ninh Cường	379	351		28	
a	Sự nghiệp Giáo dục	347	319		28	
	Cấp học Mầm non	110	104		6	
	Cấp học Tiểu học	133	125		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	104	90		14	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
41	Xã Xuân Trường	882	836		46	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
a	Sự nghiệp Giáo dục	807	761		46	
	Cấp học Mầm non	263	243		20	
	Cấp học Tiểu học	292	284		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	252	234		18	
b	Sự nghiệp y tế	57	57			
c	Sự nghiệp khác	18	18			
42	Xã Xuân Hưng	633	598		35	
a	Sự nghiệp Giáo dục	580	545		35	
	Cấp học Mầm non	190	174		16	
	Cấp học Tiểu học	216	209		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	174	162		12	
b	Sự nghiệp y tế	44	44			
c	Sự nghiệp khác	9	9			
43	Xã Xuân Giang	532	502		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	485	455		30	
	Cấp học Mầm non	153	141		12	
	Cấp học Tiểu học	178	173		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	154	141		13	
b	Sự nghiệp y tế	39	39			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
44	Xã Xuân Hồng	415	402		13	
a	Sự nghiệp Giáo dục	374	361		13	
	Cấp học Mầm non	127	119		8	
	Cấp học Tiểu học	131	131			
	Cấp học Trung học cơ sở	116	111		5	
b	Sự nghiệp y tế	33	33			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
45	Xã Hải Hậu	592	544		48	
a	Sự nghiệp Giáo dục	536	488		48	
	Cấp học Mầm non	170	150		20	
	Cấp học Tiểu học	185	176		9	
	Cấp học Trung học cơ sở	181	162		19	
b	Sự nghiệp y tế	43	43			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
46	Xã Hải Anh	571	521		50	
a	Sự nghiệp giáo dục	530	480		50	
	Cấp Mầm non	174	152		22	
	Cấp học Tiểu học	198	186		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	158	142		16	
b	Sự nghiệp y tế	32	32			
c	Sự nghiệp khác	9	9			
47	Xã Hải Tiến	558	510		48	
a	Sự nghiệp Giáo dục	514	466		48	
	Cấp học Mầm non	176	154		22	
	Cấp học Tiểu học	182	171		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	156	141		15	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
b	Sự nghiệp y tế	36	36			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
48	Xã Hải Hưng	760	694		66	
a	Sự nghiệp Giáo dục	700	634		66	
	Cấp học Mầm non	240	208		32	
	Cấp học Tiểu học	250	239		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	210	187		23	
b	Sự nghiệp y tế	50	50			
c	Sự nghiệp khác	10	10			
49	Xã Hải An	318	290		28	
a	Sự nghiệp Giáo dục	289	261		28	
	Cấp học Mầm non	107	92		15	
	Cấp học Tiểu học	98	93		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	84	76		8	
b	Sự nghiệp y tế	23	23			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
50	Xã Hải Quang	310	279		31	
a	Sự nghiệp Giáo dục	283	252		31	
	Cấp học Mầm non	94	81		13	
	Cấp học Tiểu học	99	92		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	90	79		11	
b	Sự nghiệp y tế	21	21			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
51	Xã Hải Xuân	555	504		51	
a	Sự nghiệp Giáo dục	511	460		51	
	Cấp học Mầm non	179	154		25	
	Cấp học Tiểu học	179	171		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	153	135		18	
b	Sự nghiệp y tế	36	36			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
52	Xã Hải Thịnh	371	340		31	
a	Sự nghiệp Giáo dục	339	308		31	
	Cấp học Mầm non	118	102		16	
	Cấp học Tiểu học	120	114		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	101	92		9	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
53	Xã Giao Minh	329	305		24	
a	Sự nghiệp Giáo dục	298	274		24	
	Cấp học Mầm non	99	90		9	
	Cấp học Tiểu học	104	98		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	95	86		9	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
54	Xã Giao Hoà	467	441		26	
a	Sự nghiệp Giáo dục	429	403		26	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học Mầm non	143	132		11	
	Cấp học Tiểu học	156	150		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	130	121		9	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	8	8			
55	Xã Giao Thủy	551	530		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	496	475		21	
	Cấp học Mầm non	159	148		11	
	Cấp học Tiểu học	165	159		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	172	168		4	
b	Sự nghiệp y tế	42	42			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
56	Xã Giao Phúc	341	319		22	
a	Sự nghiệp Giáo dục	310	288		22	
	Cấp học Mầm non	106	97		9	
	Cấp học Tiểu học	107	102		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	97	89		8	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
57	Xã Giao Hưng	367	345		22	
a	Sự nghiệp giáo dục	336	314		22	
	Cấp học mầm non	108	99		9	
	Cấp học tiểu học	131	125		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	97	90		7	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
58	Xã Giao Bình	343	322		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	312	291		21	
	Cấp học Mầm non	113	104		9	
	Cấp học Tiểu học	103	98		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	96	89		7	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
59	Xã Giao Ninh	391	369		22	
a	Sự nghiệp Giáo dục	356	334		22	
	Cấp học Mầm non	119	110		9	
	Cấp học Tiểu học	124	119		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	113	105		8	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
60	Xã Đồng Thịnh	372	354		18	
a	Sự nghiệp Giáo dục	337	319		18	
	Cấp học Mầm non	131	124		7	
	Cấp học Tiểu học	105	101		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	101	94		7	
b	Sự nghiệp y tế	29	29			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
c	Sự nghiệp khác	6	6			
61	Xã Nghĩa Hưng	528	504		24	
a	Sự nghiệp Giáo dục	477	453		24	
	Cấp học Mầm non	169	158		11	
	Cấp học Tiểu học	155	149		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	153	146		7	
b	Sự nghiệp y tế	38	38			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
62	Xã Nghĩa Sơn	352	331		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	322	301		21	
	Cấp học Mầm non	109	100		9	
	Cấp học Tiểu học	123	121		2	
	Cấp học Trung học cơ sở	90	80		10	
b	Sự nghiệp y tế	24	24			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
63	Xã Hồng Phong	323	302		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	291	270		21	
	Cấp mầm non	103	95		8	
	Cấp tiểu học	103	97		6	
	Cấp trung học cơ sở	85	78		7	
b	Sự nghiệp y tế	26	26			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
64	Xã Quý Nhất	451	422		29	
a	Sự nghiệp Giáo dục	411	382		29	
	Cấp học Mầm non	149	139		10	
	Cấp học Tiểu học	139	130		9	
	Cấp học Trung học cơ sở	123	113		10	
b	Sự nghiệp y tế	33	33			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
65	Xã Nghĩa Lâm	340	322		18	
a	Sự nghiệp Giáo dục	306	288		18	
	Cấp học Mầm non	110	101		9	
	Cấp học Tiểu học	108	105		3	
	Cấp học Trung học cơ sở	88	82		6	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
66	Xã Rạng Đông	400	374		26	
a	Sự nghiệp Giáo dục	368	342		26	
	Cấp học Mầm non	137	125		12	
	Cấp học Tiểu học	129	126		3	
	Cấp học Trung học cơ sở	102	91		11	
b	Sự nghiệp y tế	26	26			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
67	Xã Gia Viễn	442	404		38	
a	Sự nghiệp Giáo dục	396	358		38	
	Cấp học Mầm non	138	129		9	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học Tiểu học	136	124		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	122	105		17	
b	Sự nghiệp y tế	33	33			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
68	Xã Đại Hoàng	336	301		35	
a	Sự nghiệp Giáo dục	305	270		35	
	Cấp học Mầm non	109	101		8	
	Cấp học Tiểu học	101	88		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	95	81		14	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
69	Xã Gia Hưng	300	271		29	
a	Sự nghiệp Giáo dục	274	245		29	
	Cấp học Mầm non	101	95		6	
	Cấp học Tiểu học	91	80		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	82	70		12	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
70	Xã Gia Phong	207	185		22	
a	Sự nghiệp Giáo dục	183	161		22	
	Cấp học Mầm non	68	64		4	
	Cấp học Tiểu học	58	50		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	57	47		10	
b	Sự nghiệp y tế	18	18			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
71	Xã Gia Vân	370	338		32	
a	Sự nghiệp Giáo dục	342	310		32	
	Cấp học Mầm non	126	118		8	
	Cấp học Tiểu học	110	99		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	106	93		13	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
72	Xã Gia Trấn	305	275		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	279	249		30	
	Cấp học Mầm non	96	88		8	
	Cấp học Tiểu học	91	77		14	
	Cấp học Trung học cơ sở	92	84		8	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
73	Xã Nho Quan	475	445		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	417	392		25	
	Cấp học Mầm non	134	128		6	
	Cấp học Tiểu học	146	139		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	137	125		12	
b	Sự nghiệp y tế	45	40		5	
c	Sự nghiệp khác	13	13			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
74	Xã Gia Lâm	309	283		26	
a	Sự nghiệp giáo dục	277	256		21	
	Cấp học Mầm non	99	96		3	
	Cấp học Tiểu học	95	88		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	83	72		11	
b	Sự nghiệp y tế	26	21		5	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
75	Xã Gia Tường	284	259		25	
a	Sự nghiệp Giáo dục	252	231		21	
	Cấp học Mầm non	85	81		4	
	Cấp học Tiểu học	89	84		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	78	66		12	
b	Sự nghiệp y tế	26	22		4	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
76	Xã Phú Sơn	325	298		27	
a	Sự nghiệp giáo dục	292	268		24	
	Cấp học Mầm non	105	100		5	
	Cấp học Tiểu học	102	94		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	85	74		11	
b	Sự nghiệp y tế	26	23		3	
c	Sự nghiệp khác	7	7			
77	Xã Cúc Phương	164	150		14	
a	Sự nghiệp Giáo dục	140	129		11	
	Cấp học Mầm non	47	44		3	
	Cấp học Tiểu học	50	47		3	
	Cấp học Trung học cơ sở	43	38		5	
b	Sự nghiệp y tế	17	14		3	
c	Sự nghiệp khác	7	7			
78	Xã Phú Long	209	191		18	
a	Sự nghiệp Giáo dục	183	169		14	
	Cấp học Mầm non	70	66		4	
	Cấp học Tiểu học	66	61		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	47	42		5	
b	Sự nghiệp y tế	19	15		4	
c	Sự nghiệp khác	7	7			
79	Xã Thanh Sơn	353	320		33	
a	Sự nghiệp Giáo dục	315	287		28	
	Cấp học Mầm non	106	100		6	
	Cấp học Tiểu học	112	103		9	
	Cấp học Trung học cơ sở	97	84		13	
b	Sự nghiệp y tế	32	27		5	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
80	Xã Quỳnh Lưu	253	232		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	226	208		18	
	Cấp học Mầm non	75	70		5	
	Cấp học Tiểu học	81	75		6	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học Trung học cơ sở	70	63		7	
b	Sự nghiệp y tế	21	18		3	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
81	Xã Yên Khánh	540	502		38	
a	Sự nghiệp Giáo dục	493	455		38	
	Cấp học Mầm non	176	169		7	
	Cấp học Tiểu học	171	152		19	
	Cấp học Trung học cơ sở	146	134		12	
b	Sự nghiệp y tế	34	34			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
82	Xã Khánh Nhạc	314	285		29	
a	Sự nghiệp Giáo dục	287	258		29	
	Cấp học Mầm non	97	91		6	
	Cấp học Tiểu học	106	92		14	
	Cấp học Trung học cơ sở	84	75		9	
b	Sự nghiệp y tế	21	21			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
83	Xã Khánh Thiện	363	330		33	
a	Sự nghiệp Giáo dục	332	299		33	
	Cấp học Mầm non	118	109		9	
	Cấp học Tiểu học	110	99		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	104	91		13	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
84	Xã Khánh Hội	313	283		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	287	257		30	
	Cấp học Mầm non	102	95		7	
	Cấp học Tiểu học	97	86		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	88	76		12	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
85	Xã Khánh Trung	331	294		37	
a	Sự nghiệp Giáo dục	303	266		37	
	Cấp học Mầm non	109	101		8	
	Cấp học Tiểu học	105	91		14	
	Cấp học Trung học cơ sở	89	74		15	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
86	Xã Yên Mô	568	522		46	
a	Sự nghiệp Giáo dục	518	472		46	
	Cấp học Mầm non	207	196		11	
	Cấp học Tiểu học	168	147		21	
	Cấp học Trung học cơ sở	143	129		14	
b	Sự nghiệp y tế	37	37			
c	Sự nghiệp khác	13	13			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
87	Xã Yên Tử	434	408		26	
a	Sự nghiệp giáo dục	399	373		26	
	Cấp học Mầm non	165	157		8	
	Cấp học Tiểu học	124	114		10	
	Cấp học Trung học cơ sở	110	102		8	
b	Sự nghiệp y tế	29	29			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
88	Xã Yên Mạc	314	292		22	
a	Sự nghiệp giáo dục	285	263		22	
	Cấp học Mầm non	112	107		5	
	Cấp học Tiểu học	90	79		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	83	77		6	
b	Sự nghiệp y tế	23	23			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
89	Xã Đồng Thái	381	351		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	351	321		30	
	Cấp học Mầm non	148	141		7	
	Cấp học Tiểu học	111	98		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	92	82		10	
b	Sự nghiệp y tế	23	23			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
90	Xã Chất Bình	268	253		15	
a	Sự nghiệp giáo dục	243	229		14	
	Cấp học Mầm non	86	81		5	
	Cấp học Tiểu học	76	72		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	81	76		5	
b	Sự nghiệp y tế	19	18		1	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
91	Xã Kim Sơn	255	238		17	
a	Sự nghiệp Giáo dục	228	213		15	
	Cấp học Mầm non	83	77		6	
	Cấp học Tiểu học	74	68		6	
	Cấp học Trung học cơ sở	71	68		3	
b	Sự nghiệp y tế	21	19		2	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
92	Xã Quang Thiện	350	329		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	321	302		19	
	Cấp học Mầm non	104	99		5	
	Cấp học Tiểu học	121	113		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	96	90		6	
b	Sự nghiệp y tế	23	21		2	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
93	Xã Phát Diệm	482	460		22	
a	Sự nghiệp giáo dục	435	413		22	
	Cấp học Mầm non	145	140		5	
	Cấp học Tiểu học	150	142		8	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
	Cấp học Trung học cơ sở	140	131		9	
b	Sự nghiệp y tế	34	34			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
94	Xã Lai Thành	357	333		24	
a	Sự nghiệp giáo dục	326	305		21	
	Cấp học Mầm non	110	106		4	
	Cấp học Tiểu học	118	109		9	
	Cấp học Trung học cơ sở	98	90		8	
b	Sự nghiệp y tế	25	22		3	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
95	Xã Định Hóa	336	315		21	
a	Sự nghiệp giáo dục	307	290		17	
	Cấp học Mầm non	109	103		6	
	Cấp học Tiểu học	104	99		5	
	Cấp học Trung học cơ sở	94	88		6	
b	Sự nghiệp y tế	23	19		4	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
96	Xã Bình Minh	436	406		30	
a	Sự nghiệp Giáo dục	403	375		28	
	Cấp học Mầm non	134	127		7	
	Cấp học Tiểu học	148	138		10	
	Cấp học Trung học cơ sở	121	110		11	
b	Sự nghiệp y tế	27	25		2	
c	Sự nghiệp khác	6	6			
97	Xã Kim Đông	189	178		11	
a	Sự nghiệp Giáo dục	169	158		11	
	Cấp học Mầm non	64	61		3	
	Cấp học Tiểu học	57	53		4	
	Cấp học Trung học cơ sở	48	44		4	
b	Sự nghiệp y tế	13	13			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
98	Phường Duy Tiên	556	500		56	
a	Sự nghiệp Giáo dục:	509	453		56	
	Cấp học Mầm non	185	173		12	
	Cấp học Tiểu học	159	137		22	
	Cấp học Trung học cơ sở	165	143		22	
b	Sự nghiệp y tế	34	34			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
99	Phường Duy Tân	346	326		20	
a	Sự nghiệp Giáo dục	318	298		20	
	Cấp học Mầm non	120	113		7	
	Cấp học Tiểu học	114	105		9	
	Cấp học Trung học cơ sở	84	80		4	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
100	Phường Đồng Văn	430	393		37	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
a	Sự nghiệp Giáo dục	400	363		37	
	Cấp học Mầm non	131	123		8	
	Cấp học Tiểu học	159	140		19	
	Cấp học Trung học cơ sở	110	100		10	
b	Sự nghiệp y tế	24	24			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
101	Phường Duy Hà	360	332		28	
a	Sự nghiệp Giáo dục	334	306		28	
	Cấp học Mầm non	123	114		9	
	Cấp học Tiểu học	113	105		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	98	87		11	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
102	Phường Tiên Sơn	378	352		26	
a	Sự nghiệp Giáo dục	350	324		26	
	Cấp học Mầm non	137	131		6	
	Cấp học Tiểu học	116	106		10	
	Cấp học Trung học cơ sở	97	87		10	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
103	Phường Lê Hồ	424	388		36	
a	Sự nghiệp giáo dục	398	362		36	
	Cấp học Mầm non	147	147			
	Cấp học Tiểu học	139	121		18	
	Cấp học Trung học cơ sở	112	94		18	
b	Sự nghiệp y tế	20	20			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
104	Phường Nguyễn Úy	358	324		34	
a	Sự nghiệp giáo dục	333	299		34	
	Cấp học Mầm non	136	131		5	
	Cấp học Tiểu học	109	96		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	88	72		16	
b	Sự nghiệp y tế	19	19			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
105	Phường Lý Thường Kiệt	354	331		23	
a	Sự nghiệp giáo dục	329	306		23	
	Cấp học Mầm non	127	119		8	
	Cấp học Tiểu học	101	94		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	101	93		8	
b	Sự nghiệp y tế	19	19			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
106	Phường Kim Thanh	353	321		32	
a	Sự nghiệp giáo dục	328	296		32	
	Cấp mầm non	123	115		8	
	Cấp tiểu học	113	101		12	
	Cấp trung học cơ sở	92	80		12	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
b	Sự nghiệp y tế	19	19			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
107	Phường Tam Chúc	281	258		23	
a	Sự nghiệp giáo dục	256	233		23	
	Cấp mầm non	98	94		4	
	Cấp tiểu học	88	81		7	
	Cấp trung học cơ sở	70	58		12	
b	Sự nghiệp y tế	18	18			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
108	Phường Kim Bảng	379	358		21	
a	Sự nghiệp Giáo dục	341	320		21	
	Cấp học Mầm non	122	122			
	Cấp học Tiểu học	110	99		11	
	Cấp học Trung học cơ sở	109	99		10	
b	Sự nghiệp y tế	25	25			
c	Sự nghiệp khác	13	13			
109	Phường Hà Nam	406	367		39	
a	Sự nghiệp Giáo dục	352	313		39	
	Cấp học Mầm non	130	119		11	
	Cấp học Tiểu học	124	112		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	98	82		16	
b	Sự nghiệp y tế	47	47			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
110	Phường Phù Vân	446	408		38	
a	Sự nghiệp Giáo dục	417	379		38	
	Cấp học Mầm non	139	128		11	
	Cấp học Tiểu học	160	147		13	
	Cấp học Trung học cơ sở	118	104		14	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
111	Phường Châu Sơn	386	347		39	
a	Sự nghiệp Giáo dục	359	320		39	
	Cấp học Mầm non	111	101		10	
	Cấp học Tiểu học	142	130		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	106	89		17	
b	Sự nghiệp y tế	21	21			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
112	Phường Phù Lý	830	763		67	
a	Sự nghiệp Giáo dục	772	705		67	
	Cấp học Mầm non	245	226		19	
	Cấp học Tiểu học	274	253		21	
	Cấp học Trung học cơ sở	253	226		27	
b	Sự nghiệp y tế	35	35			
c	Sự nghiệp khác	23	23			
113	Phường Liêm Tuyền	357	321		36	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
a	Sự nghiệp Giáo dục	329	293		36	
	Cấp học Mầm non	115	105		10	
	Cấp học Tiểu học	114	102		12	
	Cấp học Trung học cơ sở	100	86		14	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
114	Phường Nam Định	1.889	1.844		45	
a	Sự nghiệp Giáo dục	1.724	1.679		45	
	Cấp học Mầm non	478	471		7	
	Cấp học Tiểu học	665	638		27	
	Cấp học Trung học cơ sở	581	570		11	
b	Sự nghiệp y tế	132	132			
c	Sự nghiệp khác	33	33			
115	Phường Thiên Trường	323	305		18	
a	Sự nghiệp Giáo dục	283	265		18	
	Cấp học Mầm non	96	89		7	
	Cấp học Tiểu học	102	99		3	
	Cấp học Trung học cơ sở	85	77		8	
b	Sự nghiệp y tế	34	34			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
116	Phường Đông A	393	362		31	
a	Sự nghiệp Giáo dục	354	323		31	
	Cấp học Mầm non	101	88		13	
	Cấp học Tiểu học	161	153		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	92	82		10	
b	Sự nghiệp y tế	33	33			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
117	Phường Vị Khê	457	440		17	
a	Sự nghiệp Giáo dục	420	403		17	
	Cấp học Mầm non	135	131		4	
	Cấp học Tiểu học	149	146		3	
	Cấp học Trung học cơ sở	136	126		10	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
118	Phường Thành Nam	273	268		5	
a	Sự nghiệp Giáo dục	241	236		5	
	Cấp học Mầm non	60	60			
	Cấp học Tiểu học	90	87		3	
	Cấp học Trung học cơ sở	91	89		2	
b	Sự nghiệp y tế	26	26			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
119	Phường Trường Thi	711	682		29	
a	Sự nghiệp Giáo dục	652	623		29	
	Cấp học Mầm non	235	226		9	
	Cấp học Tiểu học	243	233		10	
	Cấp học Trung học cơ sở	174	164		10	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
1	2	3	4	5	6	7
b	Sự nghiệp y tế	49	49			
c	Sự nghiệp khác	10	10			
120	Phường Hồng Quang	433	415		18	
a	Sự nghiệp Giáo dục	398	380		18	
	Cấp học Mầm non	123	117		6	
	Cấp học Tiểu học	143	141		2	
	Cấp học Trung học cơ sở	132	122		10	
b	Sự nghiệp y tế	28	28			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
121	Phường Mỹ Lộc	530	487		43	
a	Sự nghiệp Giáo dục	479	436		43	
	Cấp học Mầm non	156	133		23	
	Cấp học Tiểu học	166	158		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	157	145		12	
b	Sự nghiệp y tế	44	44			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
122	Phường Tây Hoa Lư	641	594		47	
a	Sự nghiệp Giáo dục	592	545		47	
	Cấp học Mầm non	224	212		12	
	Cấp học Tiểu học	187	171		16	
	Cấp học Trung học cơ sở	181	162		19	
b	Sự nghiệp y tế	40	40			
c	Sự nghiệp khác	9	9			
123	Phường Hoa Lư	1.913	1.664		249	
a	Sự nghiệp Giáo dục	1.795	1.546		249	
	Cấp học Mầm non	535	495		40	
	Cấp học Tiểu học	695	596		99	
	Cấp học Trung học cơ sở	565	455		110	
b	Sự nghiệp y tế	90	90			
c	Sự nghiệp khác	28	28			
124	Phường Nam Hoa Lư	694	629		65	
a	Sự nghiệp Giáo dục	644	579		65	
	Cấp học Mầm non	249	230		19	
	Cấp học Tiểu học	207	184		23	
	Cấp học Trung học cơ sở	188	165		23	
b	Sự nghiệp y tế	40	40			
c	Sự nghiệp khác	10	10			
125	Phường Đông Hoa Lư	465	423		42	
a	Sự nghiệp Giáo dục	431	389		42	
	Cấp học Mầm non	146	136		10	
	Cấp học Tiểu học	152	135		17	
	Cấp học Trung học cơ sở	133	118		15	
b	Sự nghiệp y tế	27	27			
c	Sự nghiệp khác	7	7			
126	Phường Tam Điệp	426	383		43	
a	Sự nghiệp Giáo dục	380	337		43	
	Cấp học Mầm non	136	124		12	
	Cấp học Tiểu học	135	122		13	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điều chỉnh giao năm 2026				Ghi chú
		Tổng số	Số lượng người làm việc (viên chức)		Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ	
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ NTSN		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	Cấp học Trung học cơ sở	109	91		18	
b	Sự nghiệp y tế	30	30			
c	Sự nghiệp khác	16	16			
127	Phường Yên Sơn	332	305		27	
a	Sự nghiệp Giáo dục	304	277		27	
	Cấp học Mầm non	123	117		6	
	Cấp học Tiểu học	99	91		8	
	Cấp học Trung học cơ sở	82	69		13	
b	Sự nghiệp y tế	22	22			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
128	Phường Trung Sơn	452	389		63	
a	Sự nghiệp Giáo dục	422	359		63	
	Cấp học Mầm non	163	146		17	
	Cấp học Tiểu học	141	121		20	
	Cấp học Trung học cơ sở	118	92		26	
b	Sự nghiệp y tế	24	24			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
129	Phường Yên Thắng	438	407		31	
a	Sự nghiệp giáo dục	401	370		31	
	Cấp học Mầm non	167	157		10	
	Cấp học Tiểu học	123	116		7	
	Cấp học Trung học cơ sở	111	97		14	
b	Sự nghiệp y tế	31	31			
c	Sự nghiệp khác	6	6			
C	DỰ PHÒNG	684	396	23	265	